TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 861/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Diệu Huệ

2/ Ông Phạm Văn Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tống Thị Ngọc D**, sinh năm: 1984 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 882 Đường Q, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: 117/2H đường H, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1983 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 882 Đường Q, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tống Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tống Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thanh T kết hôn từ năm 2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp. Ông

T cờ bạc, rượu chè, nợ nần và không có trách nhiệm với vợ con, thậm chí lúc bà sinh con ông T cũng không đưa bà đi mà bà phải tự đi. Sự việc kéo dài trong nhiều năm nên bà đã quá mệt mỏi, tình cảm ngày càng phai nhạt. Bà và ông T cũng đã sống ly thân được một năm. Nay bà D thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T, trả tự do cho nhau, không ràng buộc nhau nữa.

Về con chung: Bà Tống Thị Ngọc D xác định bà và ông Nguyễn Thanh T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Tống Kim A, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 24/5/2016. Bà yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Tống Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tống Thị Ngọc D xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận việc chung sống, kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung như lời bà D trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng tuy có phát sinh mâu thuẫn, nhưng theo ông T đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, không đến mức phải ly hôn. Ông T cũng xác nhận ông và bà D đã ly thân được một năm, trong thời gian sống ly thân ông cũng có đến gặp để thuyết phục bà D quay về nhưng bà D không đồng ý. Việc bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn tại tòa như vậy là không đúng. Ông T xác nhận ông có cờ bạc dẫn đến thiếu nợ, nhưng việc này đã xảy ra cách đây rất lâu rồi, khoảng hơn một năm nay là không còn nữa. Ông thiếu nợ thì gia đình ông là người hỗ trợ trả nợ cho ông chứ không phải bà D trả, bà D nói ông không có trách nhiệm với vợ con là không đúng, như lúc đi sinh con là bà D tự đi không có báo với ông và đây cũng không phải là lý do để bà D yêu cầu ly hôn với ông. Do đó, nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho các con.

Về con chung: Ông T xác nhận ông và bà D có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tống Kim A, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 24/5/2016. Do không có điều kiện về thời gian và theo nguyện vọng của con nên trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D thì ông đồng ý để cho bà D nuôi 02 con. Do bà D không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con nên ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tống Thị Ngọc D tự nguyện chịu nên ông đồng ý.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Tống Thị Ngọc D và bị đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tống Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn, bà Tống Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2008, cùng lời khai xác nhận của ông T và bà D nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Tống Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà D và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng ông bà hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án có xác minh tình trạng mâu thuẫn của ông T và bà D nhưng địa phương không rõ mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà D, vì địa phương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của ông, bà. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà D và xác nhận của ông T thì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T là có xảy ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà D là có và diễn ra trong thời gian dài; ông T không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ khó khăn cùng bà D; ông mong muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án để xây dựng gia đình hạnh phúc; hiện cả hai vẫn không sống chung; các con ông bà đang do bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và sống cùng bà D; Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Cho thấy hôn nhân của ông T và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do

đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tống Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Thanh T.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông T không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, thì theo nguyện vọng của con, ông T đồng ý để cho bà D nuôi 02 con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng được nuôi con của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Tống Thị Ngọc D. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà D và ông T xác định không có nên không xem xét.

[3] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Tống Thị Ngọc D phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Ngọc D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tống Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2008 không còn giá trị.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh T và bà Tống Thị Ngọc D có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Tống Kim A, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Tú A, sinh ngày 24/5/2016. Giao 02 trẻ Nguyễn Tống Kim A và Nguyễn Tú A cho bà Tống Thị Ngọc D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tống Thị Ngọc D không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà D khi bà D, ông T hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà D có quyền yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Tống Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Tống Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thanh T xác định không có, nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Tống Thị Ngọc D phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0010870 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Tống Thị Ngọc D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hạnh